

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐẮK MIL  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 19/3/2025

V/v “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Thế Thắng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Đợi, ông Nguyễn Sỹ Thông

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tham gia phiên toà:*** Bà Niê Đoàn Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đăk Mil xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 226/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2025 giữa:

*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1976.

*Địa chỉ:* Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

*Bị đơn:* Ông Trần Văn M, sinh năm 1974.

*Địa chỉ:* Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/9/2024 và lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trong quá trình giải quyết vụ án: Bà và ông Trần Văn M kết hôn năm 1994, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Hôn nhân tự nguyện. Trong thời gian chung sống có 03 con chung là cháu Trần Quang S, sinh năm 1995; cháu Trần Văn T, sinh năm 1997 và cháu Trần Trọng Q, sinh ngày 18/11/2011. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc bà làm đơn ly hôn với ông Trần Văn M: Sau khi kết hôn nhận thấy cả hai bên đều sống một cách chịu đựng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc khi bà và ông M liên tục cãi vã, và cuộc sống hôn nhân ngày càng nặng nề, bà và ông M đã nhiều lần hòa hoãn để sống vì con cái nhưng ông M vẫn không thay đổi. Hiện tại, bà và ông M đã sống ly thân. Từ thời gian đó đến nay cả hai đã không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không đạt được mục đích nên bà làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Về tình cảm xin ly hôn với ông Trần Văn M; về con chung: Bà yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Trần Trọng Q, sinh ngày 18/11/2011 cho đến khi

con chung đủ 18 tuổi trưởng thành; về cấp dưỡng: không yêu cầu; về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Trần Văn M trình bày: Ông M không đồng ý ly hôn do vẫn còn tình cảm với bà H, những mâu thuẫn không lớn đến mức cả hai phải ly hôn.

Theo lời trình bày của cháu Trần Trọng Q trong quá trình giải quyết vụ án nếu bố mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng ở với mẹ.

Tại biên bản xác minh ngày 25/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông thì bà Nguyễn Thị H và ông Trần Văn M có sinh sống tại thôn T, xã Đ huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Trong cuộc sống gia đình có xuất hiện mâu thuẫn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, bị đơn đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự và tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào quy định tại Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Trần Văn M.

Về con chung: Giao cháu Trần Trọng Q, sinh ngày 18/11/2011 cho bà Nguyễn Thị H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải nộp án phí ly hôn theo quy định.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

### **1. Về thủ tục tố tụng:**

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với ông Trần Văn M, đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi cư trú tại Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

### **2. Về nội dung vụ án:**

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Trần Văn M kết hôn năm 1994, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Nam Định, hôn nhân tự nguyện, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, cả hai sống thiếu niềm tin và trách nhiệm với nhau; sau khi kết hôn hai vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn, cả hai đã sống ly thân. Trong thời gian sống

ly thân, các bên không tìm lại được tiếng nói chung, không có biện pháp để hàn gắn hôn nhân, xây dựng hạnh phúc gia đình, tình trạng vợ chồng không còn duy trì, hôn nhân không đạt được mục đích. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật HNGĐ, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, xử cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Trần Văn M là phù hợp quy định pháp luật.

[2.2] Về con chung: Bà H là người trực tiếp trông nom, chăm Trần Trọng Q, sinh ngày 18/11/2011 trong thời gian bà và ông M ly thân. Do đó, cần tiếp tục giao cháu Q cho bà H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu theo yêu cầu của bà H là phù hợp.

Về cấp dưỡng: Bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết

[2.4] Về án phí DSST: Bà Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí DSST theo quy định pháp luật.

[2.5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên tòa là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên.*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận đơn xin ly hôn của Bà Nguyễn Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Trần Văn M.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Trọng Q, sinh ngày 18/11/2011 cho bà Nguyễn Thị H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi (Trưởng thành).

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí DSST: Bà Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí Dân sự sơ thẩm về việc “Ly hôn” được khấu trừ vào 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006050 ngày 08/10/2024 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil (02);
- Chi Cục THADS huyện Đắk Mil;
- UBND xã Đắk Gằn, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**Nguyễn Thế Thắng**